

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 11 - 2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lại.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Hùng.

2. Ông Nguyễn Xuân Huế.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền Trang -Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Hoàng Minh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Đàn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị C, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Xóm X, xã XH, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Hồ Viết T, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Xóm Y, xã XH, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17/7/2018 cũng như bản tự khai, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn chị Đinh Thị C trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Hồ Viết T đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 01 năm 1998 tại UBND xã XH, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu

nhau và hai vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2008 đến nay, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay nguyên đơn thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh Hồ Viết T.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có hai con chung là Hồ Viết Th, sinh ngày 14/10/1998 và Hồ Viết M, sinh ngày 26/4/2002. Khi ly hôn, nguyên đơn có nguyện vọng nhường quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Hồ Viết M cho bị đơn đến khi con trưởng thành còn con chung Hồ Viết Th đã đủ tuổi trưởng thành con muốn ở với ai là quyền của con.

Về tài sản chung và các khoản nợ: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hồ Viết T thống nhất với lời khai của nguyên đơn về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 08 năm. Năm 2008 chị C đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên vợ chồng sống ly thân, chị C không liên lạc, không thăm hỏi chồng con. Tuy nhiên bị đơn xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị C nên mong muốn đoàn tụ vợ chồng để xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái trưởng thành. Nếu phải ly hôn, bị đơn yêu cầu chị C thanh toán số tiền 58.000.000 đồng bao gồm tiền nuôi hai con trong 10 năm và các chi phí khác.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị C trình bày. Vợ chồng ly hôn, con Hồ Viết T đã đủ tuổi trưởng thành con muốn ở với ai là quyền của con và bị đơn có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Hồ Viết M đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung mà yêu cầu chị hỗ trợ tiền mà anh đã một mình nuôi con suốt thời gian chị không có mặt ở nhà với tổng số tiền là $10 \text{ năm} \times 2.400.000 \text{ đồng/năm} = 24.000.000 \text{ đồng}$. Về tài sản chung và các khoản nợ: Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 24/8/2018, Tòa án đã tiến hành xác minh tại ông Hồ Viết H, xóm trưởng xóm Y, xã XH, huyện ND, tỉnh Nghệ An (nơi cư trú của bị đơn anh Hồ Viết T) được cung cấp nội dung như sau: Anh Hồ Viết T và chị Đinh Thị C kết hôn năm 1998. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng cùng chung sống tại xã XH, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng anh T chung sống hạnh phúc cho đến năm 2008 chị C đi làm ăn xa không về tại địa phương. Vợ chồng anh T chị C không chung sống với nhau từ đó đến nay. Về con chung: Anh T và chị C có hai con chung như các đương sự trình bày. Trong thời gian vợ chồng anh T, chị C sống ly thân, hai cháu ở với anh T. Cả hai cháu hiện nay đều đã đi làm ăn xa.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ, thủ tục tố tụng đạt đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự theo quy định từ điều 239 đến điều 260 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên toà được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51; Điều 56, khoản 4 Điều 70, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị C và anh Hồ Viết T. Về con chung: Con chung Hồ Viết Th, sinh ngày 14 tháng 10 năm 1998, đã đủ tuổi trưởng thành có quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp, nơi cư trú, học tập của mình. Giao con chung Hồ Viết M, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2002 cho anh Hồ Viết T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị C do anh T không yêu cầu. Chị C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Không chấp nhận yêu cầu của anh T về việc buộc chị C thanh toán tổng số tiền 58.000.000 đồng vì yêu cầu cấp dưỡng không có căn cứ. Các yêu cầu khác chưa rõ ràng, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Đinh Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với bị đơn anh Hồ Viết T, có địa chỉ cư trú tại xóm Y, xã XH, huyện ND, tỉnh Nghệ An.

Đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An theo căn cứ tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa chị Đinh Thị C vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị C và anh Hồ Viết T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình và có đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 01 năm 1998 tại UBND xã XH, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không thông cảm và thấu hiểu được nhau. Chị C đi nước ngoài nhiều năm, vợ chồng không liên lạc với nhau nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt không thể hàn gắn. Chị C về nước nhưng cũng không chung sống cùng anh T mà về nhà cha mẹ để ở xóm X, xã XH để sinh sống. Như vậy chị C và anh T không chung sống cùng nhau từ năm 2008 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; chị Đinh Thị C xác định không còn tình nghĩa vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Viết T, tại phiên tòa anh T đồng ý ly hôn. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thị C được ly hôn với anh Hồ Viết T.

[2]. Về con chung: Chị Đinh Thị C và anh Hồ Viết T có hai con chung là Hồ Viết Th, sinh ngày 14 tháng 10 năm 1998 và Hồ Viết M, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2002. Khi ly hôn, chị C có nguyện vọng nhường quyền nuôi con Hồ Viết M cho anh Hồ Viết T trực tiếp nuôi dưỡng còn con Hồ Viết Th đã đủ tuổi trưởng thành con sống với ai là quyền của con.

Hội đồng xét xử nhận định: Con chung Hồ Viết Th đã đủ tuổi trưởng thành có quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp, nơi cư trú, học tập của mình theo quy định tại khoản 4 Điều 70 Luật Hôn nhân và gia đình. Cháu Hồ Viết M có nguyện vọng được sống cùng với bố Hồ Viết T, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Hồ Viết M. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Viết M là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với điều kiện thực tế.

[3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hồ Viết T thừa nhận vì hiện tại con chung Hồ Viết M đã đi làm ổn định, có thu nhập để tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Hồ Viết T yêu cầu chị C thanh toán cho anh số tiền nuôi con trong 10 năm chị C không có mặt ở nhà là 24.000.000 đồng thì sẽ đồng ý ký văn bản ly hôn. Hội đồng xét xử nhận định: Anh T và chị C đều thừa nhận: Trong hai năm đầu đi xuất khẩu lao động chị C gửi toàn bộ tiền lương và các khoản thu nhập khác (số tiền cụ thể không nhớ) để anh T trả nợ và nuôi các con ăn học còn những năm sau chị C không gửi tiền. Các con chung đều học hết lớp 7 là nghỉ học ở nhà lao động để sinh sống. Quá trình đi học các cháu được miễn các khoản học phí và được Nhà nước hỗ trợ thêm các khoản khác. Hiện tại hai cháu đã có công việc, có thu nhập, tự nuôi sống bản thân nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của anh T.

[4]. Về tài sản chung và các khoản nợ: Chị Đinh Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Hồ Viết T yêu cầu chị C hỗ trợ 50% số tiền vay mượn đi nước ngoài là 20.000.000 đồng; tiền nợ các khoản nghĩa vụ đóng góp tại xã XH và xóm là 6.000.000 đồng, tiền nợ khoán ao là 8.000.000 đồng.

Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn đã có công văn số 505/ CV – TA ngày 04/9/2018 tổng đạt hợp lệ đến anh yêu cầu anh giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nhưng anh T không giao nộp được tài liệu, chứng cứ. Quá trình lấy lời khai anh T và chị C đều thống nhất khai số tiền vay mượn của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Chợ Chùa xã Nam Anh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An đã được chị C gửi tiền về thanh toán đầy đủ nên anh T yêu cầu chị C hỗ trợ 20.000.000 đồng trả nợ đi nước ngoài là không có cơ sở. Ngày 04/9/2018 chị C tự nguyện thanh toán số tiền nợ ngân sách xóm Y, xã XH, huyện ND và số tiền nợ ngân sách UBND xã XH, huyện ND, tỉnh Nghệ An với tổng số tiền 5.982.000 đồng. Anh T yêu cầu chị C hỗ trợ 6.000.000 đồng, chị C đã nộp trực tiếp cho xóm và xã nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với tiền nợ khoán ao anh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Qua xác minh tại UBND xã XH thì năm 2012 đến năm 2016 anh T nhận khoán ao cá diện tích 1893 m². Quá trình anh T nhận khoán ao không nộp nghĩa vụ thuế nên đang còn nợ xã số tiền 6.989.000 đồng. Việc nhận khoán ao trong thời gian chị C đi nước ngoài và anh T thừa nhận tại thời điểm này vợ chồng không còn liên lạc với nhau, anh T chăn nuôi, thu hoạch thành quả

thì phải tự chịu trách nhiệm thanh toán. Chị C không đồng ý hỗ trợ, anh T không cung cấp chứng cứ, chứng minh đây là nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận. Trường hợp anh T đủ tài liệu, chứng cứ thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Bị đơn yêu cầu cấp dưỡng không được chấp nhận nhưng có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

[6] Xem xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56, khoản 4 Điều 70, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị C và anh Hồ Viết T.
2. Về con chung: Con chung Hồ Viết Th, sinh ngày 14 tháng 10 năm 1998, đã đủ tuổi trưởng thành có quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp, nơi cư trú, học tập của mình. Giao con chung Hồ Viết M, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2002 cho anh Hồ Viết T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị C do anh T không yêu cầu. Chị C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị Đinh Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003683 ngày 18 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Chị Đinh Thị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu cấp dưỡng cho anh Hồ Viết T.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Đàn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Nam Đàn;
- TAND tỉnh Nghệ An
- UBND xã XH, huyện NĐ,
tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA; VPTA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Lại